

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-6-2024.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Hải.
- Ông Nguyễn Hồng Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Phan Minh Trí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ngày 05/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2024 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Số nhà A, đường B, Tổ E, Ấp N, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Phan Hồng TH, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Số nhà A, đường B, Tổ E, Ấp N, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Quốc A, sinh năm 1969;
- Bà Lê Thị N, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Số nhà V, đường NT, Tổ M, khóm T, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Phan Hồng TH kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố C vào ngày 01/02/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù vợ chồng có hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị Nguyễn Thị Minh T nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Phan Hồng TH.

Con chung: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Phan Hồng TH có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Minh K, sinh ngày 25/4/2019 và Phan Minh M, sinh ngày 09/8/2021, hiện con chung Nguyễn Ngọc Minh K, sinh ngày 25/4/2019 đang sống với ông bà ngoại tên Nguyễn Quốc T và Lê Thị N, Minh M đang sống với vợ chồng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh TH cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Phan Hồng TH trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh TH thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Nay anh TH đồng ý ly hôn yêu cầu chị T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Phan Hồng TH có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Minh K, sinh ngày 25/4/2019 và Minh M, sinh ngày 09/8/2021, hiện con chung Minh K đang sống với ông bà ngoại, Minh M đang sống với vợ chồng. Khi ly hôn, anh TH yêu cầu được nuôi Minh M, đồng ý giao Minh K cho chị T nuôi, anh TH tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con với chị T.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị N trình bày: Cháu Nguyễn Ngọc Minh K, sinh ngày 25/4/2019 là cháu ngoại của ông A và bà N. Sau khi cháu Minh K sinh ra được 20 ngày thì chị T và anh TH phát sinh mâu thuẫn và không sống chung. Khi đó, chị T và anh TH chưa đăng ký kết hôn nên khi làm khai sinh cho cháu chỉ có tên mẹ

trong giấy khai sinh, không có tên cha và vợ chồng ông A và bà N nuôi cháu K từ đó đến nay.

Từ khi cháu K được sinh ra đến nay, anh TH chưa làm tròn trách nhiệm một người cha, chưa làm thủ tục nhận con, không quan tâm chăm sóc con gái, không phụ tiền nuôi dưỡng cháu K, chỉ có chị T là chu cấp tiền nuôi cháu K. Sau khi chị T và anh TH trở lại sống chung, anh TH cũng không đề cập đến việc nuôi cháu K. Hiện nay, anh TH bị ung thư đại tràng và đang điều trị nên anh TH không đủ sức khỏe để nuôi cháu K. Hiện nay, cháu K sống với ông bà ngoại ổn định và phát triển tốt về mặt tâm, sinh lý. Nay ông A và bà N đồng ý giao bé Minh K cho chị T nuôi, không đồng ý giao cháu K cho anh TH và vợ chồng ông bà sẽ tạo điều kiện cho chị T nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Phan Hồng TH có địa chỉ tại xã M, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Minh T và anh Phan Hồng TH được xác lập vào năm 2018, do hai anh chị tự nguyện và thừa nhận, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố Cao Lãnh vào ngày 01/02/2021 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tại phiên tòa, chị T và anh TH thống nhất thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị là phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Xét con chung: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Phan Hồng TH thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Minh K, sinh ngày 25/4/2019 và Phan Minh M, sinh ngày 09/8/2021, hiện Minh K đang sống với ông A và bà N; Minh M đang sống với chị T và anh TH.

- Đối với con chung tên Nguyễn Ngọc Minh K, sinh ngày 25/4/2019. Xét thấy, giấy khai sinh của bé Nguyễn Ngọc Minh K, chỉ có họ và tên người mẹ là chị Nguyễn Thị Minh T, không có họ và tên người cha nhưng chị T và anh TH đều thừa nhận bé Minh K là con chung của anh chị nên Hội đồng xét xử công nhận Nguyễn Ngọc Minh K, sinh ngày 25/4/2019 là con chung của chị Nguyễn Thị Minh T và anh Phan Hồng TH. Tại phiên tòa, chị T và anh TH thống nhất giao Minh K cho chị T nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy bé Minh K từ khi sinh ra đến nay sống chung với ông, bà ngoại là ông A, bà N và ông bà chăm sóc cháu

tốt, phát triển về mọi mặt; ông A và bà N đồng ý giao cháu K cho chị T nuôi. Từ khi cháu sinh ra đến nay, anh TH không thường xuyên chăm sóc và nuôi cháu như những đứa con khác. Hơn nữa, cháu K cũng chưa được anh TH công nhận là con thông qua việc lập thủ tục nhận con và khai sinh cho bé K, nên việc giao bé K cho mẹ nuôi là phù hợp tâm, sinh lý của cháu và phù hợp với sự thỏa thuận của chị T và anh TH. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của chị T và anh TH là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân.

- Đối với con chung tên Phan Minh M, sinh ngày 09/8/2021, chị T và anh TH đều có yêu cầu nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy bé Minh M còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần được sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn để có sự ổn định và phát triển về tâm sinh lý nên giao cho mẹ nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung tên Phan Minh M, sinh ngày 09/8/2021 cho chị T tiếp tục nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định “...3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi ...”

[4] Xét cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện, chị T không yêu cầu anh TH cấp dưỡng nuôi con, anh TH thì cho rằng để anh chị tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị T và anh TH thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét tài sản chung: Tại phiên tòa, chị T và anh TH thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét nợ chung: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Phan Hồng TH thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 246, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản

5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh T và anh Phan Hồng TH.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Minh T và anh Phan Hồng TH: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Minh K, sinh ngày 25/4/2019 cho chị Nguyễn Thị Minh T trực tiếp nuôi, hiện Minh K đang sống với ông A và bà N.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông A và bà N: Ông A và bà N tự nguyện giao cháu Nguyễn Ngọc Minh K, sinh ngày 25/4/2019 cho chị T trực tiếp nuôi.

Chấp nhận của chị Nguyễn Thị Minh T, chị Nguyễn Thị Minh T được tiếp tục nuôi con chung tên Phan Minh M, sinh ngày 09/8/2021, hiện Minh M đang sống với vợ chồng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009597 ngày 01/4/2024 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh TH không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- UBND Phường E, TPCL (số 03, ngày 01/02/2021);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh